

Bài báo nghiên cứu

THÚC ĐẨY GIÁO DỤC HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thị Ngọc Xuân

Trường Đại học Trà Vinh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Email: ngocxuan@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 30-10-2024; Ngày nhận bài sửa: 05-12-2024; Ngày duyệt đăng: 26-6-2025

TÓM TẮT

Bài viết này tổng quan các nghiên cứu về Giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (GDHTMTPTBV) để chỉ ra những cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy cách tiếp cận giáo dục này. Phân tích cho thấy GDHTMTPTBV mang đến nhiều lợi ích cho cá nhân, cộng đồng và có tiềm năng giải quyết các vấn đề toàn cầu như bất bình đẳng, nghèo đói. Tuy nhiên, việc thực hiện GDHTMTPTBV trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, rào cản từ cấp độ cá nhân (nhận thức, động lực, kỹ năng của người học, giáo viên) đến cấp độ hệ thống (chính sách, chương trình, nguồn lực). Dựa trên phân tích, bài báo đề xuất một số biện pháp nhằm thúc đẩy GDHTMTPTBV ở Việt Nam, bao gồm: xây dựng chiến lược quốc gia về GDHTMTPTBV, lồng ghép GDHTMTPTBV vào chương trình giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường hợp tác quốc tế.

Từ khóa: giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững; cơ hội và thách thức; phát triển bền vững

1. Đặt vấn đề

Nhận thức về mối liên hệ mật thiết giữa phát triển bền vững (PTBV) và sự thịnh vượng của nhân loại đã được thể hiện rõ trong Chương trình nghị sự 2030 vì Phát triển bền vững, được Liên hợp quốc thông qua vào tháng 9 năm 2015. Chương trình này bao gồm 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) với mục tiêu chung là kiến tạo một thế giới hòa bình, thịnh vượng và bền vững (United Nations, 2015). Trong số đó, mục tiêu số 4, tập trung vào việc đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời, được coi là nền tảng then chốt cho việc thực hiện thành công tất cả các mục tiêu còn lại (UNESCO, 2017).

Với vai trò là công cụ quan trọng để phát triển con người và xã hội, giáo dục đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và thúc đẩy các hành động thiết thực vì sự PTBV (UNESCO, 2019). Do đó, GDHTMTPTBV đã trở thành một trọng tâm trong những thập kỷ gần đây. UNESCO (2017) định nghĩa ESD là một cách tiếp cận giáo dục toàn diện, không chỉ cung cấp kiến thức về các vấn đề PTBV mà còn trang bị cho người học các kỹ năng, giá trị và thái độ cần thiết để trở thành những công dân có trách nhiệm, có khả năng

Cite this article as: Nguyen, T. N. X. (2025). Promoting education for sustainable development: Opportunities and challenges. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(6), 1106-1116. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.6.4575\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.6.4575(2025))

giải quyết các thách thức toàn cầu và đóng góp vào việc xây dựng một tương lai bền vững.

Mặc dù tầm quan trọng của GDHTMTPTBV đã được cộng đồng quốc tế công nhận rộng rãi (Tilbury, 2004), việc triển khai GDHTMTPTBV trong thực tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Các nghiên cứu đã chỉ ra nhiều rào cản trong việc đưa GDHTMTPTBV vào thực tiễn, bao gồm cả các yếu tố ở cấp độ cá nhân (như nhận thức, động lực của người học, năng lực của giáo viên) và cấp độ hệ thống (như chính sách, chương trình và nguồn lực) (Sterling, 2001; Wals, 2009; Wiek et al., 2011). Trên cơ sở đó, bài báo này tiến hành tổng quan các nghiên cứu trước đây về GDHTMTPTBV nhằm mục đích làm rõ các cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy phương pháp tiếp cận giáo dục quan trọng này; từ đó, góp phần vào việc triển khai GDHTMTPTBV một cách hiệu quả hơn, hướng tới sự PTBV toàn diện.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để khám phá các cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy GDHTMTPTBV, nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích tổng quan tài liệu. Phương pháp này cho phép thu thập, phân tích và tổng hợp một cách hệ thống các kết quả nghiên cứu từ nhiều nguồn, từ đó cung cấp cái nhìn tổng quan và sâu sắc về GDHTMTPTBV. Các tiêu chí lựa chọn tài liệu được áp dụng để đảm bảo tính phù hợp và chất lượng thông tin, bao gồm: (1) tập trung vào chủ đề GDHTMTPTBV với các khía cạnh như khái niệm, lợi ích, thách thức, phương pháp, chiến lược và các yếu tố liên quan; (2) tài liệu được công bố bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt; (3) xuất bản từ năm 2000 đến nay trên các tạp chí khoa học uy tín, sách chuyên khảo, báo cáo nghiên cứu hoặc các nguồn thông tin đáng tin cậy khác.

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua việc tìm kiếm trên các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín như Google Scholar, Scopus và Web of Science. Các từ khóa tìm kiếm liên quan đến GDHTMTPTBV, bao gồm “Education for Sustainable Development”, “Sustainability in Education”, “Giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững”, và “Bền vững trong giáo dục”, đã được sử dụng để thu thập các nghiên cứu tiềm năng. Các bản tóm tắt (abstract) được sàng lọc kỹ lưỡng để lựa chọn các nghiên cứu phù hợp với tiêu chí đã định. Toàn văn các nghiên cứu được chọn được phân tích chi tiết về kết quả, phương pháp và các luận điểm chính. Kết quả phân tích từ các nguồn khác nhau được tổng hợp để làm rõ các cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy GDHTMTPTBV.

2.2. Giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững (Education for Sustainable Development - ESD) là một khái niệm còn tương đối mới trong giáo dục, do đó, chưa có một định nghĩa thống nhất được chấp nhận rộng rãi. Tuy nhiên, có thể thấy rõ sự đồng thuận về vai trò then chốt của ESD trong việc trang bị cho người học những năng lực cần thiết để kiến tạo một xã hội bền vững. Các tổ chức uy tín như UNESCO đã đóng góp vào việc định hình khái niệm này qua các định nghĩa và tuyên bố của mình, bên cạnh đó là sự đóng góp của các học giả trên thế giới.

Theo UNESCO (2010), ESD được hiểu là một cách tiếp cận giáo dục nhằm trao quyền cho người học tự học tập kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ, từ đó giúp họ đưa ra các quyết định sáng suốt, thực hiện các hành động có trách nhiệm, hướng tới sự toàn vẹn của môi

trường, kinh tế và công bằng xã hội. Tuy nhiên, nhận thức về ESD không dừng lại ở việc trao quyền cho cá nhân. UNESCO (2020) đã mở rộng phạm vi và nội hàm của khái niệm này, khẳng định ESD là một cách tiếp cận giáo dục toàn diện, mang tính biến đổi và cho phép chúng ta đưa ra những quyết định sáng suốt, thực hiện hành động cá nhân và tập thể để thay đổi xã hội và quan tâm đến hành tinh. Wals (2005) cũng đồng tình với quan điểm này, ông khẳng định giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi xã hội, và kết quả của nó được phản ánh qua sự phát triển của xã hội. Do đó, trường học và các cơ sở giáo dục đại học là nơi thích hợp để bắt đầu thay đổi hành vi vì sự PTBV.

Từ các định nghĩa và quan điểm trên, có thể khái quát GDHTMTPTBV (ESD) là một cách tiếp cận giáo dục toàn diện, trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ cần thiết để họ có thể trở thành những công dân toàn cầu có trách nhiệm, có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến PTBV, đồng thời thúc đẩy những thay đổi tích cực trong xã hội, hướng tới một tương lai bền vững cho tất cả mọi người. Như vậy, ESD không chỉ là việc truyền tải kiến thức về PTBV, mà còn là quá trình nuôi dưỡng các năng lực và thúc đẩy hành động của người học. ESD đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan, từ các nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục, cho đến chính người học và cộng đồng.

Mặt khác, từ các định nghĩa trên, có thể thấy rõ các khía cạnh cốt lõi của ESD, bao gồm kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ. Về kiến thức, ESD cung cấp cho người học hiểu biết về các vấn đề PTBV như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, bất bình đẳng, nghèo đói (Sterling, 2001). Theo Scott và Gough (2003), tính bền vững là một quá trình mà con người cần học cách sống hoà hợp với môi trường, xây dựng năng lực để sống bền vững hơn. Tuy nhiên, ESD không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức mà còn chú trọng phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, giúp người học có khả năng sống và làm việc một cách bền vững (Wiek et al., 2011). Dyer và cộng sự (2006) cho rằng mỗi cá nhân cần có kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để sống và làm việc một cách bền vững. Bên cạnh đó, ESD hướng đến việc hình thành cho người học các giá trị sống bền vững như tôn trọng sự đa dạng, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, sự công bằng, và ý thức về sự toàn vẹn của môi trường, kinh tế và xã hội (Tilbury, 2004). Cuối cùng, ESD đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thay đổi thái độ của con người từ chỗ thờ ơ, thụ động sang chỗ quan tâm, tích cực tham gia vào các hoạt động hướng tới sự PTBV (Wals, 2009).

Mặc dù có những điểm chung về vai trò và mục tiêu, các định nghĩa và cách tiếp cận ESD cũng cho thấy sự khác biệt nhất định về phạm vi và nội hàm. So sánh hai định nghĩa của UNESCO, có thể thấy định nghĩa năm 2020 đã mở rộng phạm vi của ESD so với định nghĩa năm 2010, nhấn mạnh tính “biến đổi” và “quan tâm đến hành tinh”, thể hiện vai trò của ESD trong việc thúc đẩy những thay đổi sâu sắc và toàn diện. Sự khác biệt về trọng tâm cũng được thể hiện khi định nghĩa năm 2010 tập trung vào việc “trao quyền” cho người học, trong khi định nghĩa năm 2020 chú trọng vào “thay đổi xã hội”. Tuy nhiên, cả hai định nghĩa đều khẳng định tính toàn diện của ESD, bao gồm kiến thức, kỹ năng, giá trị và thái độ, và cho thấy sự linh hoạt trong cách tiếp cận, từ việc lồng ghép vào các môn học hiện có đến việc xây dựng các chương trình riêng biệt về ESD.

Tóm lại, khái niệm về GDHTMTPTBV đang không ngừng được hoàn thiện và làm rõ

hơn qua thực tiễn. Việc so sánh, đối chiếu các định nghĩa, cách tiếp cận khác nhau, từ các tổ chức quốc tế uy tín đến các học giả trên thế giới, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về phạm vi, nội hàm và sự phát triển của ESD. Điều này là rất quan trọng để xây dựng và thực hiện các chương trình ESD một cách hiệu quả, đóng góp vào việc kiến tạo một thế giới bền vững hơn.

2.3. Các cơ hội trong việc thúc đẩy giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

GDHTMTPTBV mang đến nhiều cơ hội to lớn cho việc kiến tạo một tương lai bền vững cho nhân loại. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những lợi ích đáng kể của ESD đối với cá nhân, xã hội và môi trường, mở ra những triển vọng đầy hứa hẹn cho việc giải quyết các vấn đề toàn cầu cấp bách và thúc đẩy sự PTBV trên mọi mặt. Trước hết, ESD mang đến những lợi ích thiết thực cho cá nhân, xã hội và môi trường. ESD không chỉ trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng, mà còn tác động đến giá trị và thái độ của họ, từ đó tạo ra những thay đổi tích cực trong hành vi và lối sống. Đối với cá nhân, ESD giúp nâng cao nhận thức về các vấn đề PTBV, thúc đẩy ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và môi trường (Tilbury, 2004). Thêm vào đó, ESD trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để sống và làm việc một cách bền vững, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động (Dyer et al., 2006). Ở cấp độ xã hội, ESD góp phần xây dựng một cộng đồng đoàn kết, có ý thức bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng đến sự PTBV (Communist Party of Vietnam, 2021). Bên cạnh những lợi ích cho cá nhân và xã hội, ESD cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu cấp bách. ESD được xem là giải pháp then chốt cho các vấn đề như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng, nghèo đói. Bằng cách nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của con người, ESD có tiềm năng to lớn trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực của các vấn đề này. Hơn nữa, ESD còn là động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo. ESD không chỉ cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng, mà còn khuyến khích họ tư duy sáng tạo, tìm kiếm giải pháp mới cho các vấn đề PTBV. Theo Pham (2022), trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, sinh viên cần được trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để sống và làm việc một cách bền vững. Cuối cùng, sự phát triển của các xu hướng tích cực trong giáo dục như học tập suốt đời, học tập trải nghiệm, giáo dục dựa vào cộng đồng... tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy ESD. Đặc biệt, UNESCO (2010) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của học tập suốt đời trong ESD, khẳng định đây là một quá trình cung cấp cho người học kiến thức và giáo dục người học trách nhiệm bản thân, có khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có hiểu biết về khoa học và xã hội, và cam kết thực hiện các hành động cá nhân và hợp tác có trách nhiệm. Tóm lại, ESD mang đến nhiều cơ hội cho việc kiến tạo một tương lai bền vững cho nhân loại. Việc nắm bắt các cơ hội này và xây dựng chiến lược phát triển ESD toàn diện là nhiệm vụ cấp bách của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

2.4. Các thách thức trong việc thúc đẩy giáo dục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

Con đường hướng tới GDHTMTPTBV trên thực tế không trải đầy hoa hồng. Mặc dù mang đến nhiều hứa hẹn cho một tương lai bền vững, việc thực hiện ESD vẫn đối mặt với rất nhiều khó khăn và rào cản, đòi hỏi các bên liên quan cần có những nỗ lực và giải pháp phù hợp để vượt qua. Một trong những trở ngại lớn nhất chính là sự thiếu hiểu biết về bản chất của ESD. Nhiều người học, giáo viên và cả nhà quản lý giáo dục chưa hiểu rõ về khái

niệm ESD, vai trò, mục tiêu và cách thức thực hiện (Sterling, 2001), dẫn đến việc ESD chưa được quan tâm đúng mức và triển khai một cách hiệu quả. Thêm vào đó, sự thiếu hụt về chương trình và tài liệu học tập phù hợp cũng là một rào cản lớn đối với việc triển khai ESD (Wals, 2009). Hiện nay, chưa có nhiều chương trình và tài liệu học tập về ESD được thiết kế một cách bài bản, phù hợp với từng cấp học và bối cảnh văn hóa - xã hội. Bên cạnh những trở ngại về nhận thức, phương pháp giảng dạy cũng là một yếu tố cản trở ESD. Phương pháp giảng dạy truyền thống, lấy giáo viên làm trung tâm, chưa khuyến khích người học chủ động, sáng tạo và tham gia tích cực vào quá trình học tập, không phù hợp với ESD (Wiek et al., 2011). Hơn nữa, việc thực hiện ESD đòi hỏi nguồn lực tài chính, con người và cơ sở vật chất đầy đủ, trong khi nhiều trường học, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, còn thiếu thốn về các nguồn lực này (UNESCO, 2005). Chính điều này càng làm trầm trọng thêm khó khăn trong việc triển khai ESD. Thách thức trong việc thúc đẩy ESD không chỉ đến từ cấp độ cá nhân hay nhà trường, mà còn đến từ cấp độ hệ thống giáo dục và xã hội. Sự thiếu đồng bộ trong chính sách, cơ chế, khung pháp lý về ESD giữa các cấp, ngành cũng là một rào cản lớn (Barth & Rieckmann, 2012). Việc thiếu những chính sách và chiến lược rõ ràng, cụ thể về ESD khiến cho việc triển khai ESD gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, những yếu tố xã hội như văn hóa tiêu dùng chưa bền vững, ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế, mô hình phát triển kinh tế chưa bền vững cũng tác động tiêu cực đến việc thực hiện ESD. Để có cái nhìn rõ ràng và toàn diện hơn, có thể phân loại các thách thức trong việc thúc đẩy ESD theo các cấp độ: cá nhân, nhà trường, hệ thống giáo dục và xã hội. Ở cấp độ cá nhân, nhận thức hạn chế về ESD, thiếu động lực học tập, kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề còn yếu, thiếu kỹ năng sống và làm việc một cách bền vững là những rào cản đối với người học. Đối với giáo viên, nhận thức hạn chế về ESD, thiếu kỹ năng sư phạm về ESD, thiếu động lực và sự sáng tạo trong giảng dạy, chưa chủ động cập nhật kiến thức và kỹ năng là những thách thức cần được giải quyết. Ở cấp độ nhà trường, chương trình chưa tích hợp ESD một cách đầy đủ và hệ thống, nội dung về ESD còn dàn trải, thiếu tính liên kết, phương pháp dạy học vẫn còn nặng về truyền thụ kiến thức, thiếu chú trọng phát triển kỹ năng và thái độ, chưa tạo điều kiện cho học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập. Nguồn lực và cơ sở vật chất thiếu thốn, bao gồm thiếu giáo viên được đào tạo bài bản về ESD, thiếu tài liệu học tập phù hợp, cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm còn hạn chế cũng là những khó khăn cản trở việc thực hiện ESD ở cấp độ nhà trường. Cuối cùng, việc thiếu cơ chế khuyến khích và hỗ trợ giáo viên thực hiện ESD, chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả về ESD cũng là một thách thức ở cấp độ quản lý nhà trường. Thách thức ở cấp độ hệ thống giáo dục thể hiện qua việc chưa có chính sách và chiến lược phát triển ESD một cách toàn diện và đồng bộ; cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan còn lỏng lẻo, chưa có cơ chế tài chính hỗ trợ cho việc triển khai ESD; khung pháp lý về ESD còn thiếu và chưa đồng bộ; và chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả về ESD, chưa có các tiêu chí đánh giá phù hợp với ESD. Trong khi đó, thách thức ở cấp độ xã hội đến từ văn hóa tiêu dùng chưa bền vững, ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế, mô hình phát triển kinh tế chưa bền vững, và thiếu sự cam kết mạnh mẽ từ phía chính phủ trong việc thúc đẩy ESD. Tóm lại, các thách thức trong việc thúc đẩy ESD rất phức tạp, đa dạng và có tính liên kết với nhau. Chúng tồn tại ở nhiều cấp độ, từ cá nhân đến xã hội, và

đan xen, ảnh hưởng lẫn nhau. Vì vậy, việc giải quyết những thách thức này đòi hỏi sự chung tay, hợp tác của nhiều bên liên quan, từ cá nhân, nhà trường, cho đến hệ thống giáo dục và toàn xã hội. Chỉ khi có sự chung tay, nỗ lực từ nhiều phía, ESD mới có thể được triển khai một cách hiệu quả, góp phần kiến tạo một tương lai bền vững cho nhân loại.

2.5. *Kết quả nghiên cứu*

Phân tích tổng quan các nghiên cứu về ESD mang đến một bức tranh toàn cảnh về những cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy cách tiếp cận giáo dục quan trọng này, cả trên bình diện quốc tế lẫn bối cảnh Việt Nam.

Cơ hội cho ESD

Các nghiên cứu chỉ ra rằng ESD mang đến nhiều lợi ích cho cá nhân, cộng đồng và có tiềm năng giải quyết các vấn đề toàn cầu. Cụ thể, ESD giúp nâng cao nhận thức về PTBV cho người học, trang bị cho họ những kỹ năng sống và làm việc theo hướng bền vững, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh (Tilbury, 2004; Dyer et al., 2006). ESD góp phần xây dựng ý thức cộng đồng về PTBV, thúc đẩy hành động chung vì lợi ích chung và hướng đến một xã hội công bằng, thịnh vượng (Communist Party of Vietnam, 2021). ESD khuyến khích học tập suốt đời, học tập trải nghiệm và giáo dục dựa vào cộng đồng (UNESCO, 2010).

Bảng 1. *Khung cơ hội của ESD tại Việt Nam*

Lĩnh vực	Cơ hội	Hành động cụ thể
Phát triển con người	Nâng cao nhận thức về PTBV	Lồng ghép ESD vào chương trình giáo dục từ bậc mầm non đến đại học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng
	Phát triển kỹ năng sống và làm việc bền vững	Tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế, dự án học tập, kết nối với doanh nghiệp
	Nâng cao năng lực cạnh tranh	Cập nhật chương trình đào tạo, đưa vào những kiến thức, kỹ năng phù hợp với xu thế PTBV, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động
Phát triển kinh tế - xã hội	Thúc đẩy tăng trưởng xanh	Khuyến khích các mô hình kinh doanh, sản xuất bền vững, đầu tư vào năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn
	Xây dựng cộng đồng bền vững	Thúc đẩy lối sống bền vững trong cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải
	Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, đầu tư vào hạ tầng thích ứng, nâng cao nhận thức cộng đồng
	Thúc đẩy công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo	Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm
	Xây dựng xã hội học tập	Phát triển hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, đa dạng, thúc đẩy học tập suốt đời cho mọi người dân
	Hội nhập quốc tế	Chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ESD

Nguồn: tác giả tổng hợp

Phân tích chi tiết ở Bảng 1: Khung cơ hội ESD tại Việt Nam cho thấy ESD đóng vai

trò then chốt trong việc phát triển con người, đưa đất nước tiến tới một nền kinh tế - xã hội bền vững, và hội nhập quốc tế thành công. Theo đó, ESD góp phần nâng cao nhận thức của người dân về PTBV bằng cách lồng ghép nội dung ESD vào chương trình giáo dục từ bậc mầm non đến đại học, đồng thời tổ chức các hoạt động ngoại khóa và chiến dịch truyền thông (Tilbury, 2004). Bên cạnh nâng cao nhận thức, ESD còn trang bị cho người dân kỹ năng sống và làm việc theo hướng bền vững thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế, dự án học tập, và kết nối với doanh nghiệp (Dyer et al., 2006). Việc này không chỉ giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của người lao động, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Để đạt được mục tiêu này, việc cập nhật chương trình đào tạo, đưa vào những kiến thức, kỹ năng phù hợp với xu thế PTBV là vô cùng cần thiết.

Ngoài việc phát triển con người, ESD còn là động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Việt Nam đang hướng tới một nền kinh tế xanh, bền vững, giảm thiểu tác động đến môi trường. Để đạt được mục tiêu này, việc khuyến khích các mô hình kinh doanh, sản xuất bền vững, đầu tư vào năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn là rất cần thiết. Bên cạnh đó, xây dựng cộng đồng bền vững cũng là mục tiêu quan trọng của PTBV. Để đạt được mục tiêu này, cần thúc đẩy lối sống bền vững trong cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải.

Hơn nữa, biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất mà Việt Nam đang phải đối mặt, và ESD đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực thích ứng của đất nước với thách thức này. Cần xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, đầu tư vào hạ tầng thích ứng và nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu. Đồng thời, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm là những bước đi quan trọng để thúc đẩy công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, hướng tới một xã hội công bằng và thịnh vượng hơn. Xây dựng xã hội học tập bằng cách phát triển hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, đa dạng, thúc đẩy học tập suốt đời cho mọi người dân là nền tảng cho PTBV. Cuối cùng, ESD là một vấn đề mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự chung tay của cộng đồng quốc tế. Việt Nam cần chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ESD để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận với những kiến thức và công nghệ tiên tiến, thu hút nguồn lực quốc tế cho phát triển ESD.

Thách thức cho ESD

Tuy nhiên, việc thực hiện ESD ở Việt Nam cũng đối mặt với nhiều thách thức, tương tự như những gì các nghiên cứu đã chỉ ra. Nhận thức về ESD của người học, giáo viên còn hạn chế. Chương trình đào tạo ở Việt Nam còn thiếu các nội dung về ESD, phương pháp giảng dạy vẫn còn nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng phát triển kỹ năng và thái độ. Nguồn lực cho ESD còn hạn chế, thiếu giáo viên được đào tạo bài bản về ESD, tài liệu học tập phù hợp và cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm. Chính sách, cơ chế, khung pháp lý về ESD còn thiếu đồng bộ, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai ESD.

Bảng 2. Khung thách thức của ESD tại Việt Nam

Cấp độ	Thách thức	Biểu hiện
Cá nhân	Nhận thức hạn chế về ESD	Người học, giáo viên chưa hiểu rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của ESD
	Thiếu động lực học tập	Nội dung ESD hàn lâm, chưa gắn liền với thực tiễn, thiếu hoạt động trải nghiệm
	Thiếu kỹ năng	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng sống còn hạn chế
Nhà trường	Chương trình, phương pháp	Chương trình thiếu nội dung về ESD, phương pháp dạy học nặng về truyền thụ kiến thức
	Nguồn lực	Thiếu giáo viên được đào tạo bài bản, thiếu tài liệu học tập, cơ sở vật chất hạn chế
	Quản lý	Thiếu cơ chế khuyến khích, hỗ trợ giáo viên, chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả
Hệ thống giáo dục	Chính sách	Thiếu chính sách, chiến lược tổng thể về ESD
	Cơ chế	Cơ chế phối hợp, cơ chế tài chính chưa hiệu quả
	Khung pháp lý	Khung pháp lý chưa đầy đủ, đồng bộ
	Đánh giá	Hệ thống đánh giá chưa phù hợp
Xã hội	Nhận thức cộng đồng	Ý thức về PTBV còn hạn chế
	Mô hình phát triển	Mô hình phát triển kinh tế chưa bền vững
	Cam kết chính trị	Cam kết của Chính phủ về ESD còn hạn chế

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Phân tích Bảng 2: Khung thách thức của ESD tại Việt Nam cho thấy, bên cạnh những cơ hội, việc thực hiện ESD ở Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức đa dạng và phức tạp, đan xen ở nhiều cấp độ. Rào cản lớn nhất xuất phát từ chính nhận thức hạn chế của người học và giáo viên về ESD (Sterling, 2001). Họ chưa hiểu rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của ESD, thậm chí còn coi ESD là một chủ đề xa vời, chưa liên quan đến cuộc sống và công việc của họ. Theo Okorodudu-Fubara (2008), đây là hệ quả của việc thiếu nhận thức đầy đủ về tầm nhìn ESD. Chính sự thiếu hụt về nhận thức dẫn đến việc thiếu động lực học tập, đặc biệt là khi nội dung ESD còn mang tính lý thuyết, hàn lâm, chưa gắn liền với thực tiễn, thiếu hoạt động trải nghiệm (Wals, 2009). Chính sự thiếu hụt kinh nghiệm thực tế cũng là nguyên nhân khiến học sinh, sinh viên thiếu những kỹ năng cần thiết, đặc biệt là kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, và kỹ năng sống (Wiek et al., 2011).

Những thách thức ở cấp độ nhà trường cũng góp phần cản trở ESD. Chương trình đào tạo còn thiếu những nội dung về ESD, phương pháp dạy học vẫn nặng về truyền thụ kiến thức, thiếu các hoạt động trải nghiệm thực tế, gây khó khăn cho giáo viên trong việc tích hợp ESD vào bài giảng (Scott & Gough, 2003). Bên cạnh đó, việc thiếu giáo viên được đào tạo bài bản về ESD, thiếu tài liệu học tập phù hợp, cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm còn hạn chế (Okorodudu-Fubara, 2008) càng làm trầm trọng thêm vấn đề. Ngoài ra, việc thiếu cơ chế khuyến khích, hỗ trợ giáo viên, chưa có hệ thống đánh giá hiệu quả từ cấp quản lý cũng là một thách thức lớn (Barth & Rieckmann, 2012).

Thách thức ở cấp độ hệ thống giáo dục cũng là một rào cản lớn đối với ESD. Chính sách, chiến lược tổng thể về ESD còn thiếu, chưa có khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ, dẫn đến việc thực hiện ESD còn mang tính tự phát, thiếu hiệu quả. Cơ chế phối hợp, cơ chế tài chính cho ESD cũng

chưa hiệu quả, sự phối hợp liên ngành, liên cấp còn hạn chế, việc phân bổ ngân sách cho ESD chưa thỏa đáng, thiếu cơ chế huy động nguồn lực từ các bên liên quan (Le, 2021). Hệ thống đánh giá hiện tại còn nặng về đánh giá kiến thức, chưa chú trọng đánh giá kỹ năng, thái độ và hành vi.

Cuối cùng, ý thức về PTBV trong cộng đồng còn hạn chế do truyền thông về ESD chưa hiệu quả. Mô hình phát triển kinh tế chưa bền vững, chưa chú trọng đến bảo vệ môi trường cũng là một thách thức (Nevin, 2008). Ngoài ra, cam kết của Chính phủ về ESD còn hạn chế, chưa có những cam kết chính trị rõ ràng và mạnh mẽ hơn để thúc đẩy ESD.

Tóm lại, việc thúc đẩy ESD ở Việt Nam là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, nhưng cũng đầy thách thức. Những thách thức này đan xen, ảnh hưởng lẫn nhau, và đòi hỏi sự chung tay, nỗ lực từ nhiều phía, từ cá nhân, nhà trường, cho đến hệ thống giáo dục và toàn xã hội để xây dựng một chiến lược phát triển ESD toàn diện, hiệu quả, góp phần kiến tạo một tương lai bền vững cho đất nước.

2.6. Thảo luận

Phân tích về cơ hội và thách thức của ESD cho thấy tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận giáo dục này đối với sự PTBV của Việt Nam. ESD không chỉ mang lại tiềm năng to lớn mà còn đặt ra những thách thức đòi hỏi các giải pháp chiến lược, toàn diện và có sự tham gia của nhiều bên liên quan. ESD không đơn thuần là truyền đạt kiến thức mà còn là quá trình hình thành ý thức, thái độ, kỹ năng và giá trị sống, giúp người học trở thành công dân toàn cầu có trách nhiệm, có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp và hướng tới tương lai bền vững. Trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với các thách thức về môi trường, bất bình đẳng và biến đổi khí hậu, ESD càng trở nên cấp thiết.

Việc giải quyết những thách thức trong thúc đẩy ESD là nhiệm vụ vừa mang tính khả thi, vừa mang tính cấp thiết. Tính khả thi được minh chứng qua việc nhiều quốc gia đã triển khai thành công ESD và đạt kết quả tích cực. Tính cấp thiết xuất phát từ những thách thức lớn mà Việt Nam đang đối mặt, đòi hỏi các giải pháp đột phá, trong đó có ESD. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số bài học quan trọng. Trước hết, cần xây dựng chiến lược quốc gia về ESD mang tính tổng thể, toàn diện, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và nguồn lực. Tiếp theo, cần lồng ghép ESD vào chương trình giáo dục từ mầm non đến đại học, đảm bảo mọi người dân được tiếp cận kiến thức về PTBV. Bên cạnh đó, cần đổi mới phương pháp dạy và học, chuyển từ phương pháp truyền thống, lấy giáo viên làm trung tâm sang phương pháp lấy người học làm trung tâm, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo. Cuối cùng, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ESD là yếu tố quan trọng để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận kiến thức, công nghệ tiên tiến và thu hút nguồn lực.

Dựa trên bối cảnh và nhu cầu của Việt Nam, các hướng nghiên cứu tiếp theo về ESD có thể bao gồm: đánh giá tác động của ESD đến nhận thức, thái độ và hành vi của người học; nghiên cứu các mô hình, phương pháp dạy học ESD hiệu quả; khảo sát nhu cầu của thị trường lao động về kỹ năng và kiến thức liên quan đến ESD; và đánh giá hiệu quả của các chính sách, chiến lược về ESD tại Việt Nam.

3. Kết luận

Nghiên cứu này đã tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu về ESD để làm rõ những cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy phương pháp tiếp cận này tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ESD mang lại nhiều lợi ích cho cá nhân, cộng đồng và có tiềm

năng giải quyết các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng và nghèo đói. ESD góp phần nâng cao nhận thức về PTBV, trang bị các kỹ năng sống và làm việc theo hướng bền vững, thúc đẩy tăng trưởng xanh, xây dựng cộng đồng bền vững và nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, việc thực hiện ESD tại Việt Nam còn đối mặt với nhiều thách thức, từ hạn chế về nhận thức của người học và giáo viên, đến sự thiếu hụt về chương trình, tài liệu, phương pháp giảng dạy phù hợp và nguồn lực. Thách thức còn đến từ sự thiếu đồng bộ trong chính sách, cơ chế và khung pháp lý về ESD.

Để thúc đẩy ESD tại Việt Nam, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hướng tới các mục tiêu: Nâng cao nhận thức và cam kết: Xây dựng chiến lược quốc gia về ESD với mục tiêu nâng cao nhận thức và cam kết của toàn xã hội về tầm quan trọng của ESD; Tích hợp toàn diện: Lồng ghép ESD vào chương trình giáo dục từ mầm non đến đại học, đảm bảo ESD trở thành một phần không thể thiếu trong quá trình đào tạo; Đổi mới phương pháp: Chuyển đổi phương pháp dạy và học, tạo điều kiện cho người học chủ động, sáng tạo và tham gia vào các hoạt động thực tiễn liên quan đến PTBV; Tăng cường hợp tác: Mở rộng hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận nguồn lực và tri thức, thúc đẩy sự phát triển của ESD tại Việt Nam.

Nghiên cứu này cung cấp cái nhìn tổng quan về ESD tại Việt Nam, xác định cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp. Các hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào đánh giá tác động của ESD, nghiên cứu mô hình và phương pháp dạy học hiệu quả, khảo sát nhu cầu kỹ năng liên quan đến ESD của thị trường lao động và đánh giá hiệu quả chính sách. Thúc đẩy ESD là nhiệm vụ cấp bách, đòi hỏi sự chung tay của các bên liên quan, từ cá nhân, nhà trường đến các cấp, các ngành và toàn xã hội. Với những nỗ lực chung, Việt Nam có thể triển khai ESD hiệu quả, góp phần xây dựng một tương lai bền vững.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barth, M., & Rieckmann, M. (2012). Academic staff development as a catalyst for curriculum change toward education for sustainable development: An output perspective. *Journal of Cleaner Production*, 26, 28-36. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2012.01.033>
- Brundtland, G. (Ed.). (1987). *Our Common Future: The World Commission on Environment and Development*. Oxford University Press.
- Communist Party of Vietnam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I & II. [Documents of the 13th National Congress (Volumes I & II)]*. National Political Publishing House.
- Dyer, A., Selby, D., & Chalkley, B. (2006). A centre for excellence in education for sustainable development. *Journal of Geography in Higher Education*, 30(2), 307-312. <https://doi.org/10.1080/03098260600717406>
- Le, D. P. (2021). Đổi mới cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam đáp ứng các yêu cầu thay đổi của xã hội. *Kỷ yếu Hội thảo Phát triển bền vững - Chất lượng giáo dục phổ thông trong kỷ nguyên số*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. [Reforming the structure of the Vietnamese education system to meet the changing demands of society]. *Proceedings of the Conference on Sustainable Development - Quality of General Education in the Digital Age*.
- Nevin, E. (2008). Education and sustainable development. *Policy and Practice: A Development Education Review*, 6, 49-62.

- Okorodudu - Fubara, M. T. (2008). Education for Sustainable Development in Higher Education: A convenient vision paper. *SIDA sponsored West and Central Africa Regional Training Workshop on ESD*. (pp. 7-17, July 2008). Ile-Ife: Organization of African Unity.
- Pham, H. Q. (2022). Thách thức đối với giáo dục đại học để phát triển bền vững trong tương lai [Challenges for higher education to achieve sustainable development]. <https://orcid.org/0000-0001-9845-6222>
- Scott, W., & Gough, S. (2003). *Sustainable Development and Learning: Framing the Issues*. RoutledgeFalmer.
- Sterling, S. (2001). *Sustainable education: Re-visioning learning and change*. Schumacher Briefings.
- Tilbury, D. (2004). Environmental Education for Sustainability: A Force for Change in Higher Education. In P. Corcoran & A. Wals (Eds.). *Higher Education and the Challenge of Sustainability* (pp. 97-112). Springer.
- UNESCO. (2010). *Teaching and Learning for a Sustainable Future. Module 4*. <http://esd.ehou.edu.vn/giao-duc-vi-su-phat-trien-ben-vung/>
- UNESCO. (2017). *Education for Sustainable Development Goals: Learning Objectives*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000247444>
- Wals, A. E. (2009). Learning for sustainability in times of accelerating change. *Journal of Education for Sustainable Development*, 3(1), 27-38.
- Wiek, A., Withycombe, L., & Redman, C. L. (2011). Key competencies in sustainability: A reference framework for academic program development. *Sustainability Science*, 6(2), 203-218. <https://doi.org/10.1007/s11625-011-0132-6>

PROMOTING EDUCATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Nguyễn Thị Ngọc Xuân

Tra Vinh University, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Ngoc Xuan – Email: ngocxuan@tvu.edu.vn

Received: October 30, 2024; Revised: December 05, 2024; Accepted: June 26, 2025

ABSTRACT

This paper reviews studies on Education for Sustainable Development (ESD) to identify opportunities and challenges in promoting this educational approach. The analysis indicates that ESD offers numerous benefits for individuals and communities while also holding the potential to address global issues such as inequality and poverty. Despite its promise, the adoption of ESD faces various obstacles, ranging from individual-level barriers (awareness, motivation, skills of learners and teachers) to systemic challenges (policies, curricula, resources). Based on the analysis, the paper proposes several solutions to promote ESD in Vietnam, including developing a national strategy for ESD, integrating ESD throughout the curriculum, fostering pedagogical innovation, and strengthening international cooperation.

Keywords: Education for Sustainable Development; opportunities and challenges; sustainable development